

THÔNG BÁO LẦN 2

Về việc nộp học phí đăng ký môn học tự động học kỳ I năm học 2025-2026 đối với sinh viên khóa D19

Căn cứ Thông báo số 1668/TB-ĐHDL ngày 10 tháng 07 năm 2025 của trường Đại học Điện Lực về việc hướng dẫn đăng ký học phần học kỳ I - Năm học 2025-2026;

Căn cứ Thông báo số 1960/TB-ĐHDL ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực về việc nộp học phí đăng ký môn học tự động học kỳ I năm học 2025-2026 đối với Sinh viên khóa D19.

Đến nay còn nhiều sinh viên khóa D19 đã được Nhà trường hỗ trợ đăng ký môn học tự động học kỳ I năm học 2025-2026 trên hệ thống, yêu cầu sinh viên khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ nộp học phí như sau:

1. Thời hạn nộp: trước ngày 21 tháng 08 năm 2025, đến thời hạn trên những sinh viên còn nợ học phí hệ thống sẽ xóa đăng ký môn học.

2. Tổ chức thực hiện:

- Sinh viên khóa D19 nợ học phí (**danh sách kèm theo**) thanh toán học phí online trên cổng thông tin sinh viên <http://sv.epu.edu.vn>.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính đơn đốc, hướng dẫn sinh viên nộp học phí.

- Phòng Công tác Sinh viên gửi thông tin đơn đốc qua tin nhắn SMS điện thoại.

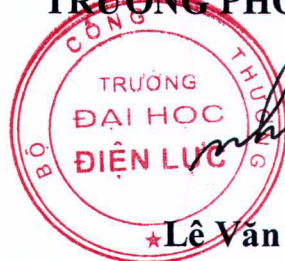
- Cố vấn học tập, Giáo viên chủ nhiệm các lớp, Trưởng các Khoa phối hợp đơn đốc sinh viên nộp học phí theo quy định.

- Phòng Quản lý Đào tạo hủy môn học đã đăng ký sau khi hết thời gian nộp tiền đối với sinh viên còn nợ học phí./.

Nơi nhận:

- Sinh viên D19;
- Website: sinhvien.epu.edu.vn;
- Phòng CTSV, QL Đào tạo;
- CVHT, GVCN, Các Khoa;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC, Thủy NT (01).

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KH-TC



★ Lê Văn Nhất



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA D19
CÒN NỢ HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Thông báo số 201/TB-ĐHDL ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực)

ĐVT: VNĐ

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
1	24810620001	ĐÌNH GIA	TƯỜNG	D19CODT1	10.920.000	0	10.920.000
2	24819150001	NGUYỄN LÊ	MINH	D19NLTT1	10.212.000	0	10.212.000
3	24819150003	PHẠM ĐỨC	QUANG	D19NLTT1	12.228.000	0	12.228.000
4	24810170002	MAI ĐỨC	PHÁT	D19TDHHTD1	11.820.000	9.804.000	2.016.000
5	24819130001	LÊ XUÂN	DIỆN	D19NHITCN	11.520.000	0	11.520.000
6	24819110004	CHU TÙNG	LÂM	D19DIENLANH1	9.504.000	0	9.504.000
7	24819140003	LÊ ANH	TUẤN	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
8	24819150008	NGUYỄN VĂN	TỚI	D19NLTT1	10.212.000	0	10.212.000
9	24819140004	ĐỖ QUANG	VINH	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
10	24810220004	NGUYỄN HUY	THIỆN	D19QLCN1	12.000.000	0	12.000.000
11	24810210009	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	D19QLNL1	12.000.000	0	12.000.000
12	24810170009	PHẠM LÊ	QUANG	D19TDHHTD1	11.820.000	0	11.820.000
13	24819150011	NGUYỄN NĂNG	TUYỀN	D19NLTT1	10.212.000	0	10.212.000
14	24819140006	NGUYỄN HOÀNG	NAM	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
15	24810710001	HOÀNG GIA	HÙNG	D19QTDN1	8.964.000	0	8.964.000
16	24819110011	TRẦN HOÀI	NAM	D19DIENLANH1	9.504.000	0	9.504.000
17	24810310006	TRẦN GIA	BẢO	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
18	24810640002	PHẠM HỒNG	THẮNG	D19QLDA&CTXD	8.796.000	0	8.796.000
19	24810180014	TRẦN THÁI	LÂM	D19DCN&DD1	9.804.000	0	9.804.000
20	24819140009	BÙI NGỌC	NAM	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
21	24819120015	DƯƠNG NGỌC	TRƯỜNG	D19DIENLANH1	11.520.000	0	11.520.000
22	24810170027	LÊ MINH	KIỆT	D19TDHHTD1	11.820.000	0	11.820.000
23	24819120021	HOÀNG TRUNG	VĨNH	D19DIENLANH1	9.504.000	0	9.504.000
24	24810310021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	D19CNPM1	11.628.000	0	11.628.000
25	24810310022	NGUYỄN TRƯỜNG	VŨ	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
26	24810310024	LƯƠNG HOÀNG	ANH	D19CNPM1	11.628.000	0	11.628.000
27	24819140014	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
28	24810860003	KHUẤT VĂN	BĂNG	D19KDTMTT1	6.948.000	0	4.063.650
29	24810110042	TRẦN MẠNH	HÙNG	D19H1	9.804.000	2.016.000	7.788.000
30	24810630019	LÊ TRỌNG	NGHĨA	D19XDCTD	8.796.000	0	8.796.000
31	24810670022	PHẠM HUY HẢI	MINH	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000
32	24810670023	NGUYỄN VĂN	THAO	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000
33	24810310029	PHẠM QUANG	SÁNG	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
34	24819130035	NGUYỄN NGỌC GIANG	SƠN	D19NHITCN	11.520.000	9.504.000	2.016.000
35	24810410013	DƯƠNG TUẤN	MINH	D19CNKTDK1	9.804.000	0	8.124.000
36	24810630026	NGUYỄN QUANG	TRUNG	D19XDCTD	10.812.000	0	10.812.000
37	24810650029	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	D19XDDD&CN	10.812.000	0	10.812.000
38	24819140020	NGUYỄN QUANG	TRUNG	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
39	24810180049	ĐỒNG TUẤN	NAM	D19DCN&DD1	9.804.000	0	9.804.000
40	24810320035	HOÀNG TRƯỜNG	AN	D19QTANM1	13.644.000	0	13.644.000
41	24810670036	NGÔ DUY	HIỆU	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000
42	24810810021	TRẦN MINH	ANH	D19KT&KS2	8.136.000	0	8.136.000
43	24819150033	TRƯƠNG TUẤN	HÙNG	D19NLTT1	10.212.000	0	10.212.000
44	24810110054	NGUYỄN VŨ	SƠN	D19H1	9.804.000	0	9.804.000
45	24810630039	PHẠM HUY	TIỆP	D19XDCTD	10.812.000	0	10.812.000
46	24810670040	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
47	24819140021	NGUYỄN TRỌNG	PHÚ	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
48	24810640042	NGUYỄN VĂN	TÀI	D19QLDA&CTXD	10.812.000	8.388.000	2.424.000
49	24810210032	ĐẶNG NGỌC	HIẾU	D19QLNL1	12.000.000	0	12.000.000
50	24810640045	NGUYỄN CÔNG MINH	VŨ	D19QLDA&CTXD	10.812.000	0	10.812.000
51	24819140022	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
52	24810320040	BÙI LÊ	HOÀN	D19QTANM1	13.644.000	0	13.644.000
53	24819120056	DƯƠNG NGỌC	TUẤN	D19DIENLANH1	9.504.000	0	6.434.650
54	24810110063	NGUYỄN ANH	DŨNG	D19H1	9.804.000	0	9.804.000
55	24810630055	ĐẶNG BẢO	KHÁNH	D19XDCTD	8.796.000	0	8.796.000
56	24819150041	PHẠM HOÀNG	VƯƠNG	D19NLTT1	10.212.000	0	10.212.000
57	24810810031	VŨ NHƯ	QUỲNH	D19KTDN1	8.136.000	0	8.136.000
58	24810340041	ĐỖ QUANG	ANH	D19HTTMDT1	13.644.000	0	13.644.000
59	24810670059	NGUYỄN NGỌC	HỮU	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000
60	24810620007	NGÔ QUANG	HUY	D19CODT1	10.920.000	9.912.000	1.008.000
61	24819120071	NGUYỄN ANH	TUẤN	D19DIENLANH1	11.520.000	0	11.520.000
62	24819150046	ĐINH THỊ	TÂM	D19NLTT2	12.228.000	0	12.228.000
63	24810210047	NGUYỄN DUY	HÙNG	D19QLNL2	9.984.000	0	8.174.650
64	24810230023	NGUYỄN HỒNG	HUY	D19LOGISTICS1	8.934.000	0	7.124.650
65	24819150049	PHẠM HỮU MINH	QUÂN	D19NLTT2	10.212.000	0	7.142.650
66	24810670070	PHAN THÁI	BẢO	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000
67	24810670071	NGUYỄN THÊ	ANH	D19CODCT	8.796.000	0	8.796.000
68	24810000005	TRẦN BÌNH	MINH	D19QTDVDL&LH1	8.136.000	0	5.671.650
69	24819140031	ĐẶNG TUẤN	DŨNG	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
70	24810650080	NGUYỄN NHƯ	VIỆT	D19XDDD&CN	8.796.000	0	8.796.000
71	24819150054	ĐỖ THÀNH	AN	D19NLTT2	10.212.000	0	10.212.000
72	24810310047	NGUYỄN TÔ HẢI	SƠN	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
73	24810340048	ĐỖ QUANG	HUY	D19HTTMDT1	11.628.000	0	11.628.000
74	24819110086	NGUYỄN MINH	KHÁNH	D19NHIEDIEN	9.504.000	0	6.434.650
75	24810430027	NGUYỄN ĐẶNG	CHUNG	D19TDH&DKTBCN1	9.804.000	0	7.994.650
76	24810630085	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	D19XDCTD	8.796.000	0	8.796.000
77	24810640088	TRỊNH MINH	THÁI	D19QLDA&CTXD	8.796.000	0	8.796.000
78	24810220013	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	ANH	D19QLCN1	12.000.000	0	12.000.000
79	24810310054	NGUYỄN HOÀNH	DŨNG	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
80	24810210060	VŨ PHƯƠNG	ANH	D19QLNL2	12.000.000	0	12.000.000
81	24810210062	TÔNG MINH	NHẬT	D19QLNL2	12.000.000	7.452.000	4.548.000
82	24810640094	NGUYỄN MẠNH	QUANG	D19QLDA&CTXD	8.796.000	0	8.796.000
83	24810220015	NGUYỄN ĐỨC	KHOA	D19QLCN1	12.000.000	9.984.000	2.016.000
84	24819130099	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	D19NHIECTN	11.520.000	0	11.520.000
85	24819140035	NGUYỄN MINH	ĐẶNG	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
86	24819140036	NGUYỄN VĂN	TÀI	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
87	24819150061	LÊ BÁCH	THUẬN	D19NLTT2	10.212.000	0	10.212.000
88	24819140038	PHAN TUẤN	DƯƠNG	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
89	24810620010	DƯƠNG HỒNG	HẢI	D19CODT1	12.936.000	0	12.936.000
90	24810510021	ĐÀO QUANG	HUY	D19DTVT1	7.572.000	0	7.572.000
91	24819140039	NGUYỄN VĂN	THỰC	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
92	24810410032	TRẦN VĂN	TUẤN	D19CNKTDK1	9.804.000	0	7.994.650
93	24819140040	CHU TRIỆU	HUY	D19QLMTCN	10.812.000	8.796.000	2.016.000
94	24810650110	NGUYỄN DUY THÁI	SƠN	D19XDDD&CN	8.796.000	0	8.796.000
95	24819150065	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	D19NLTT2	10.212.000	0	7.142.650
96	24810430035	NGUYỄN VĂN	KIẾN	D19TDH&DKTBCN1	9.804.000	0	7.994.650
97	24810620011	NGUYỄN VĂN	CHINH	D19CODT1	10.920.000	0	10.920.000
98	24819140041	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
99	24810670115	VŨ HÀ ĐỨC	QUÂN	D19CODCT	8.796.000	0	8.796.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
100	24819140042	NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
101	24810640116	HOÀNG GIA SIÊU	THÔNG	D19QLDA&CTXD	8.796.000	0	8.796.000
102	24810670118	NGUYỄN SỸ HOÀNG	VIỆT	D19CODCT	8.796.000	0	8.796.000
103	24810310068	DƯƠNG THÀNH	VINH	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
104	24819150067	HOÀNG KIM	TÚ	D19NLTT2	10.212.000	0	10.212.000
105	24810320070	LÊ HOÀNG	PHÚC	D19QTANM1	11.628.000	0	11.628.000
106	24810210072	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	D19QLNL2	12.000.000	0	12.000.000
107	24810510026	NGUYỄN TUẤN	DƯƠNG	D19DTVT1	7.572.000	1.008.000	6.564.000
108	24810630121	QUÁCH TIỀN	TOÀN	D19XDCTD	8.796.000	0	8.796.000
109	24810630123	LÊ TRỌNG BÁCH	VIỆT	D19XDCTD	10.812.000	0	10.812.000
110	24810850013	PHẠM TRUNG	HIÊU	D19KIEMTOAN1	8.136.000	0	8.136.000
111	24810210073	PHẠM THÙY	DƯƠNG	D19QLNL2	12.000.000	0	12.000.000
112	24810230059	NGUYỄN	HOÀNG	D19LOGISTICS1	8.934.000	0	8.934.000
113	24819140044	LƯƠNG TRỌNG	HIÊU	D19QLMTCN	10.812.000	5.256.000	5.556.000
114	24810310073	TRẦN QUỐC	ĐẠI	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
115	24810230062	ĐỖ THÀNH	NAM	D19LOGISTICS2	8.934.000	0	8.934.000
116	24810220021	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	D19QLCN1	9.984.000	0	8.174.650
117	24810220026	NGUYỄN HOÀNG	DƯƠNG	D19QLCN1	9.984.000	0	8.174.650
118	24810340075	ĐỖ VIỆT	QUANG	D19HTTMDT1	11.628.000	0	11.628.000
119	24819150071	BÙI HỮU	SƠN	D19NLTT2	10.212.000	0	9.662.650
120	24810220036	NGUYỄN QUANG	HUY	D19QLCN1	9.984.000	0	9.984.000
121	24810220041	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	D19QLCN1	9.984.000	0	8.174.650
122	24810220051	PHẠM VĂN	TRIỆU	D19QLCN1	9.984.000	0	8.174.650
123	24810230114	NGUYỄN NGỌC DUY	KHÁNH	D19LOGISTICS2	10.950.000	0	10.950.000
124	24810830133	LÊ NGUYỄN TUẤN	TÚ	D19KT&KS2	10.152.000	0	10.152.000
125	24810850048	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	D19KIEMTOAN2	10.152.000	0	10.152.000
126	24810830141	PHẠM GIA	LINH	D19KT&KS2	10.152.000	0	10.152.000
127	24810220065	VŨ TRỌNG	BÁCH	D19QLCN2	9.984.000	0	9.984.000
128	24810710011	TRẦN THIÊN	KHANG	D19QTDN1	6.948.000	0	4.063.650
129	24810310082	LƯU QUANG	ANH	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
130	24810810159	NGUYỄN MẠNH TUẤN	ANH	D19KTDN2	8.136.000	0	8.136.000
131	24819120117	NGUYỄN MINH	ĐỨC	D19DIENLANH2	11.520.000	0	11.520.000
132	24810510030	BÙI ĐỨC	SƠN	D19DTVT1	9.588.000	0	9.588.000
133	24810220072	BÙI YÊN	TRANG	D19QLCN2	9.984.000	0	9.984.000
134	24819120119	ĐÀO CHÍ	HỌC	D19DIENLANH2	9.504.000	0	6.434.650
135	24810220076	TRƯƠNG LAN	PHƯƠNG	D19QLCN2	12.000.000	0	12.000.000
136	24810850063	PHẠM THÀNH	NAM	D19KIEMTOAN2	8.136.000	0	8.136.000
137	24810810189	ĐOÀN ĐỨC	ANH	D19KTDN2	10.152.000	9.144.000	1.008.000
138	24810210075	LÊ	HUY	D19QLNL2	9.984.000	0	9.984.000
139	24819140045	TRẦN NGUYỄN VIỆT	ANH	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
140	24810180109	VŨ XUÂN	THANH	D19DCN&DD1	11.820.000	9.804.000	2.016.000
141	24810540031	VŨ QUANG	MINH	D19DT&KTMT1	9.588.000	7.572.000	2.016.000
142	24810220081	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	D19QLCN2	12.000.000	0	12.000.000
143	24810340095	ĐOÀN TRẦN TUẤN	ĐẠT	D19HTTMDT1	11.628.000	0	11.628.000
144	24810170111	ĐỖ ĐÌNH	LINH	D19TDHHTD1	9.804.000	0	9.804.000
145	24810430048	NGUYỄN HOÀNG	ĐẠO	D19TDH&DKTBCN1	11.820.000	0	11.820.000
146	24810310101	NGUYỄN NHẬT	MINH	D19CNPM2	13.644.000	0	13.644.000
147	24819120122	PHẠM THÁI	BẢO	D19DIENLANH2	9.504.000	0	9.504.000
148	24810230196	ĐỖ NHƯ	MẠNH	D19LOGISTICS4	8.934.000	0	8.934.000
149	24810230201	CAO CHÍ	BẢO	D19LOGISTICS4	10.950.000	8.934.000	2.016.000
150	24810230202	NGUYỄN BẢO	ANH	D19LOGISTICS4	10.950.000	0	10.950.000
151	24819140050	BÙI QUỐC	HUY	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
152	24810680012	ĐỖ BÁ	MẠNH	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
153	24810220098	PHÙNG MẠNH	KIÊN	D19QLCN2	9.984.000	0	9.984.000
154	24810670128	CAO ĐỨC	NGHĨA	D19CODCT	10.812.000	0	10.812.000
155	24819130124	LÊ XUÂN	ĐỨC	D19NHIETCN	9.504.000	0	6.434.650
156	24810000014	ĐOÀN TRẦN TIẾN	DŨNG	D19QTDVDL&LH1	10.152.000	0	10.152.000
157	24810620031	NGUYỄN HỒNG	ĐẠI	D19CODT1	10.920.000	0	10.920.000
158	24810310117	ĐẶNG THÁI	SON	D19HTTMDT1	13.644.000	0	13.644.000
159	24810620043	HOÀNG QUỐC	ĐẠT	D19CODT1	12.936.000	10.920.000	2.016.000
160	24810710051	NGUYỄN BÁ NHẬT	MINH	D19QTDN1	6.948.000	0	6.948.000
161	24810540041	DƯƠNG VĂN	PHONG	D19DT&KTMT1	9.588.000	0	9.588.000
162	24810620045	MAI VĂN	ĐẠI	D19CODT1	10.920.000	0	10.920.000
163	24810620049	ĐỖ TRUNG	NGHĨA	D19CODT1	12.936.000	0	12.936.000
164	24810310125	HOÀNG LÊ QUỐC	HUY	D19CNPM2	11.628.000	0	9.398.650
165	24810170134	TRẦN THÀNH	NAM	D19TDHHTD1	11.820.000	0	11.820.000
166	24810710071	NGUYỄN QUANG	HUY	D19QTDN2	8.964.000	0	8.964.000
167	24810710087	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	D19QTDN2	8.964.000	6.948.000	2.016.000
168	24810710089	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	D19QTDN2	8.964.000	2.196.000	6.768.000
169	24810620073	VŨ CÔNG	DOANH	D19CODT2	10.920.000	0	10.920.000
170	24810710097	NGUYỄN HỮU	HUNG	D19QTDN2	8.964.000	0	8.964.000
171	24810110151	HÀ XUÂN	TRƯỜNG	D19H1	11.820.000	0	11.820.000
172	24810620087	HOÀNG QUỐC	CUÔNG	D19CODT2	10.920.000	0	10.920.000
173	24810710122	LÊ NGỌC	ANH	D19QTDN2	8.964.000	0	8.964.000
174	24810430075	NGUYỄN ANH	ĐỨC	D19TDH&DKTBCN1	9.804.000	0	7.994.650
175	24819150080	NGUYỄN QUANG	THỊNH	D19NLTT2	10.212.000	0	7.142.650
176	24810670131	PHẠM MINH	TIẾP	D19CODCT	8.796.000	7.380.000	1.416.000
177	24810520069	NGUYỄN HỮU	VINH	D19KTDT	9.588.000	0	9.588.000
178	24810620102	TRỊNH HỮU	NAM	D19CODT3	10.920.000	0	10.920.000
179	24810710146	ĐẶNG THỊ THANH	HIỀN	D19QTDN3	6.948.000	0	6.948.000
180	24810710158	LÊ MINH	HIỂU	D19QTDN3	8.964.000	0	8.964.000
181	24810620109	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	D19CODT3	10.920.000	6.672.000	4.248.000
182	24810820116	ĐÀO DUY	ĐỖ	D19TCDN2	7.542.000	0	7.542.000
183	24810620119	HOÀNG GIA	KHÁNH	D19CODT3	12.936.000	0	12.936.000
184	24810000036	NGUYỄN ĐÀO THANH	PHONG	D19QTDVDL&LH1	10.152.000	0	10.152.000
185	24810810235	DƯƠNG TRÀ	MY	D19KTDN3	8.136.000	0	6.511.650
186	24810710167	LƯU HOÀNG	TRÍ	D19QTDN3	8.964.000	0	8.964.000
187	24810710171	TRỊNH MINH	TẤN	D19QTDN3	8.964.000	0	8.964.000
188	24810110176	NINH HÀ	SON	D19H2	11.820.000	0	11.820.000
189	24810710181	LƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	D19QTDN3	8.964.000	0	8.964.000
190	24810640132	PHẠM BÙI CÔNG	ĐẠI	D19QLDA&CTXD	10.812.000	0	10.812.000
191	24810710188	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	D19QTDN3	6.948.000	0	4.063.650
192	24810860016	BÙI ĐỨC	HUY	D19KDTMTT1	8.964.000	6.948.000	2.016.000
193	24810520085	VŨ ĐÌNH	DŨNG	D19KTDT	9.588.000	0	9.588.000
194	24810410090	HOÀNG THÁI	DUY	D19CNKTDK1	9.804.000	0	7.994.650
195	24810440092	PHẠM VĂN	HA	D19THDK&TDH1	11.820.000	0	11.820.000
196	24810810237	LÊ THẾ	HÙNG	D19KTDN3	10.152.000	0	10.152.000
197	24810630134	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	D19XDCTD	8.796.000	0	8.796.000
198	24810540093	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	D19DT&KTMT1	9.588.000	0	9.588.000
199	24810620142	NGUYỄN THANH	PHONG	D19CODT3	12.936.000	10.920.000	2.016.000
200	24819140056	PHẠM ĐỨC	DUY	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
201	24810110196	HOÀNG VĂN	CHÍNH	D19H2	9.804.000	0	9.804.000
202	24810180200	PHẠM VĂN	DUY	D19DCN&DD1	11.820.000	9.804.000	2.016.000
203	24819140057	LÊ ĐỨC	MINH	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
204	24810310170	TRIỆU	PHÚ	D19CNPM2	13.644.000	0	13.644.000
205	24810310171	LÊ VĂN	MINH	D19CNPM2	11.628.000	0	11.628.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
206	24810430106	TRINH HỒNG	AN	D19TDH&DKTBCN1	11.820.000	0	11.820.000
207	24819120140	NGUYỄN HỮU ANH	TÚ	D19DIENLANH2	11.520.000	0	11.520.000
208	24810410108	NGUYỄN TRỌNG	TẤN	D19CNKTDK1	9.804.000	0	7.994.650
209	24819120141	PHẠM XUÂN	MINH	D19DIENLANH2	11.520.000	0	11.520.000
210	24810610037	ĐỖ QUANG	KHÁNH	D19CKCTM1	12.936.000	0	12.936.000
211	24819140059	PHẠM QUANG	ANH	D19NLTT1	10.812.000	0	10.812.000
212	24810610038	NGUYỄN HỮU	TÙNG	D19CKCTM1	10.920.000	0	10.920.000
213	24819120142	NGUYỄN NGỌC TUẤN	ANH	D19DIENLANH1	11.520.000	0	11.520.000
214	24810710238	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	ANH	D19QTDN4	6.948.000	0	6.948.000
215	24810230223	MAI HỮU NHẬT	ANH	D19LOGISTICS4	10.950.000	0	10.950.000
216	24810840172	TRẦN TRÀ	MY	D19NGANHANG2	9.558.000	0	9.558.000
217	24810540117	NGUYỄN NGỌC	HIỆP	D19DT&KTMT1	9.588.000	0	9.588.000
218	24810680039	LÊ NHẬT	QUANG	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
219	24810230224	NGUYỄN HÀ	THU	D19LOGISTICS4	10.950.000	8.934.000	2.016.000
220	24810710245	VŨ THANH	HUYỀN	D19QTDN4	8.964.000	0	8.964.000
221	24810840175	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	D19NGANHANG2	9.558.000	0	9.558.000
222	24819140060	LƯƠNG ANH	QUÂN	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
223	24810410120	NGÔ TUẤN	HÙNG	D19CNKTDK1	9.804.000	0	8.124.000
224	24819140062	ĐÀO VIỆT	ANH	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
225	24810510132	TRƯƠNG HOÀNG	ANH	D19DT&KTMT2	9.588.000	0	9.588.000
226	24810710253	NGUYỄN HOÀI	PHONG	D19QTDN4	6.948.000	0	6.948.000
227	24810620161	NGUYỄN VĂN	TIẾN	D19CODT2	12.936.000	0	12.936.000
228	24810000055	NGUYỄN YÊN	NHI	D19QTDVDL&LH1	10.152.000	8.136.000	2.016.000
229	24810000063	PHÙNG TUYẾT	MAI	D19QTDVDL&LH2	8.136.000	0	8.136.000
230	24810000064	NGUYỄN THỊ CHÀ	MY	D19QTDVDL&LH2	8.136.000	0	8.136.000
231	24810220115	PHÍ XUÂN	THẮNG	D19QLCN2	12.000.000	0	12.000.000
232	24810520145	LƯU ĐÌNH	HUY	D19KTDĐT	9.588.000	7.572.000	2.016.000
233	24810840182	HOÀNG THỊ THU	TRANG	D19NGANHANG2	9.558.000	0	9.558.000
234	24819140063	LÊ VĂN	TÚ	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
235	24810680064	NGUYỄN QUANG	PHÁT	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
236	24810440122	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	D19TDH&DKTBCN2	11.820.000	9.804.000	2.016.000
237	24810000080	TRẦN HUYỀN	MY	D19QTDVDL&LH2	8.136.000	0	8.136.000
238	24810220116	NGUYỄN THIÊN	TỚI	D19QLCN2	9.984.000	0	8.174.650
239	24810610075	NGUYỄN DANH	AN	D19CKCTM1	12.936.000	10.920.000	2.016.000
240	24810510167	VƯƠNG NHẬT	HUY	D19DTVT3	9.588.000	0	9.588.000
241	24810680080	BÙI MINH	QUYẾT	D19CKOTO	12.936.000	6.972.000	5.964.000
242	24810510195	HOÀNG HÀO	NAM	D19DTVT2	9.588.000	0	9.588.000
243	24810510205	TĂNG ĐỨC	CÁNH	D19DTVT2	7.572.000	0	7.572.000
244	24810000103	NGÔ THANH	VÂN	D19QTDVDL&LH2	10.152.000	0	10.152.000
245	24810680092	BÙI ĐỨC	HÙNG	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
246	24810680093	NGUYỄN CÔNG	HUY	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
247	24810520210	CAO SƠN	HẢI	D19KTDĐT	9.588.000	0	9.588.000
248	24810680095	LÊ TIẾN	DŨNG	D19CKOTO	10.920.000	0	10.920.000
249	24810540214	NGUYỄN PHÚC	CƯỜNG	D19DT&KTMT2	7.572.000	0	1.142.650
250	24810510216	ĐÌNH TRONG HOÀNG	ANH	D19DTVT2	9.588.000	0	9.588.000
251	24810610120	NGUYỄN THANH	PHONG	D19CKCTM2	12.936.000	0	12.936.000
252	24810000111	NGUYỄN TRÍ MINH	QUÂN	D19QTDVDL&LH2	8.136.000	0	8.136.000
253	24810310193	TRẦN TUẤN	KIÊN	D19CNPM3	13.644.000	0	13.644.000
254	24810430129	HÀN DANH	TRUNG	D19TDH&DKTBCN1	9.804.000	0	7.994.650
255	24810680127	PHẠM TIẾN	ĐẠT	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
256	24810610132	NGUYỄN TRƯỜNG	LONG	D19CKCTM2	12.936.000	0	12.936.000
257	24810610133	THÁI BÁ	HUY	D19CKCTM2	12.936.000	9.659.650	2.016.000
258	24810610134	PHÍ VĂN ĐỨC	LONG	D19CKCTM2	12.936.000	0	12.936.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
259	24810540269	BÙI TRƯỜNG	PHÚC	D19DT&KTMT2	9.588.000	0	9.588.000
260	24810680139	LÊ MINH	TRIẾT	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
261	24810610141	ĐÌNH PHÚ	AN	D19CKCTM2	10.920.000	0	10.920.000
262	24810510278	LƯU HẢI	ANH	D19DTVT2	7.572.000	0	7.572.000
263	24810510281	NGUYỄN HẢI	ANH	D19DTVT2	9.588.000	7.572.000	2.016.000
264	24810310198	NGÔ TRUNG	CHIẾN	D19CNPM3	13.644.000	0	13.644.000
265	24810610147	NGUYỄN NGỌC	DUY	D19CKCTM2	10.920.000	0	10.920.000
266	24810520303	BÙI CÔNG	MINH	D19KTD	9.588.000	0	9.588.000
267	24810840185	NGUYỄN VIỆT TUẤN	DUY	D19NGANHANG2	7.542.000	0	7.542.000
268	24810310202	NGUYỄN VĂN	AN	D19CNPM3	11.628.000	0	11.628.000
269	24810610150	NGUYỄN ĐẮC THÀNH	NGHIỆP	D19CKCTM2	10.920.000	0	10.920.000
270	24810310203	ĐỖ MẠNH	ĐỨC	D19CNPM3	11.628.000	0	11.628.000
271	24810830253	HÀ NAM	KHÁNH	D19KT&KS2	8.136.000	0	6.456.000
272	24810000133	TRẦN HUYỀN	ANH	D19QTDVLD&LH3	10.152.000	2.970.000	7.182.000
273	24810520318	NGUYỄN HOÀNG	THẮNG	D19KTD	7.572.000	0	5.342.650
274	24810680154	PHẠM VĂN	THIỆN	D19CKOTO	10.920.000	0	10.920.000
275	24810710262	ĐỖ MINH	QUÂN	D19QTDN4	8.964.000	7.956.000	1.008.000
276	24810510328	HÀN MINH	HOÀNG	D19DTVT3	9.588.000	0	9.588.000
277	24810000137	ĐỖ PHƯƠNG	NAM	D19QTDVLD&LH3	8.136.000	0	8.136.000
278	24810680158	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
279	24810610160	DƯƠNG HẢI	DUYÊN	D19CKCTM2	12.936.000	0	12.936.000
280	24810000142	NGUYỄN HUY	ĐẠT	D19QTDVLD&LH3	10.152.000	0	10.152.000
281	24810680161	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
282	24810680166	LẠI TRUNG	KIÊN	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
283	24819110149	PHÙNG MINH	NGHĨA	D19NHIETDIEN	11.520.000	0	11.520.000
284	24810610173	MÃ ĐỨC QUANG	KHÔI	D19CKCTM2	12.936.000	10.920.000	2.016.000
285	24810530357	NGÔ MINH	TÙNG	D19TBDTYT	9.588.000	0	9.588.000
286	24810610178	LÊ QUANG	TIẾN	D19CKCTM2	12.936.000	0	12.936.000
287	24810540358	NGUYỄN MINH	QUÂN	D19DT&KTMT3	7.572.000	0	7.572.000
288	24810610182	NGUYỄN ĐĂNG	TRUNG	D19CKCTM2	10.920.000	0	10.920.000
289	24810220118	LÊ HOÀNG HẢI	AN	D19QLCN2	9.984.000	0	8.174.650
290	24810440148	LẠI NHẬT	MINH	D19THDK&TDH1	11.820.000	9.804.000	2.016.000
291	24810510366	NGUYỄN KHẮC	BÌNH	D19DTVT3	9.588.000	0	9.588.000
292	24810710266	ĐẶNG ĐỨC	CHUNG	D19QTDN4	8.964.000	0	8.964.000
293	24810710267	NGUYỄN SỸ	TUỆ	D19QTDN4	8.964.000	0	8.964.000
294	24810680187	NGUYỄN BÁ THẾ	ANH	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
295	24810000164	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	D19QTDVLD&LH3	8.136.000	0	8.136.000
296	24810220119	ĐOÀN KIỀU	ANH	D19QLCN2	9.984.000	0	9.984.000
297	24810230233	HÀ QUANG	ĐẠI	D19LOGISTICS4	8.934.000	0	7.124.650
298	24810220120	VŨ NGUYỄN GIA	BÁCH	D19QLCN2	9.984.000	0	9.984.000
299	24810680190	BÙI AN	DƯƠNG	D19CKOTO	12.936.000	0	12.936.000
300	24819120150	TẠ HỮU	KHUƠNG	D19DIENLANH2	9.504.000	0	9.504.000
301	24810680191	VŨ QUANG	HIỆP	D19CKOTO	10.920.000	0	10.920.000
302	24810840192	TRỊNH THỊ	THANH	D19NGANHANG2	9.558.000	7.542.000	2.016.000
303	24810680192	TRỊNH QUỐC	ĐẠT	D19CKOTO	10.920.000	0	10.920.000
304	24810110241	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	D19H2	9.804.000	0	9.804.000
305	24810840193	TRẦN THỊ	UYÊN	D19NGANHANG2	7.542.000	0	7.542.000
306	24810310224	PHẠM ANH	QUÂN	D19CNPM3	13.644.000	0	13.644.000
307	24810210081	BÙI KHOẢNG NGỌC	LINH	D19QLNL2	9.984.000	0	8.174.650
308	24810860031	ĐÀO DUY	MẠNH	D19KDTMTT1	6.948.000	0	6.948.000
309	24810430163	TRẦN QUỐC	ANH	D19TDH&DKTBCN2	11.820.000	9.804.000	2.016.000
310	24810110249	DƯƠNG THẾ	BẢO	D19H2	11.820.000	0	11.820.000
311	24810860043	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	D19KDTMTT1	6.948.000	0	4.063.650

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
312	24810860044	DƯƠNG THỊ VÂN	ANH	D19KDTMTT1	8.964.000	0	8.964.000
313	24810110252	NGUYỄN TIỀN	CÔNG	D19H2	11.820.000	0	11.820.000
314	24810410177	TRẦN HÙNG	VƯƠNG	D19CNKTDK1	11.820.000	0	11.820.000
315	24810860050	TRƯƠNG DIỆP	LINH	D19KDTMTT1	8.964.000	0	8.964.000
316	24810110282	PHẠM HOÀNG	AN	D19H2	11.820.000	0	11.820.000
317	24810340251	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	D19HTTMDT1	13.644.000	0	13.644.000
318	24810110293	HÀ QUANG	NHẬT	D19H3	11.820.000	9.804.000	2.016.000
319	24810310252	HOÀNG MINH	VŨ	D19CNPM3	11.628.000	10.212.000	1.416.000
320	24810170305	LÊ NGỌC	TÀI	D19TDHHTD2	9.804.000	0	9.804.000
321	24810170316	NGUYỄN NAM	KỶ	D19TDHHTD2	11.820.000	0	11.820.000
322	24810310259	LÊ NGỌC	QUYÊN	D19CNPM3	13.644.000	11.628.000	2.016.000
323	24810430191	PHÙNG THẾ	LÂM	D19TDH&DKTBCN2	11.820.000	0	11.820.000
324	24810860058	BÙI PHÚ	HÙNG	D19KDTMTT1	8.964.000	6.948.000	2.016.000
325	24810170336	ĐẶNG VÂN	CUÔNG	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
326	24810320264	PHẠM TUẤN	THÀNH	D19QTANM1	13.644.000	0	13.644.000
327	24810310265	LÊ THẾ	HUY	D19CNPM3	11.628.000	0	11.628.000
328	24810170345	ĐÌNH NGỌC	HIỆP	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
329	24810170353	ĐẶNG TIỀN	ĐẠT	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
330	24810320272	ĐOÀN NGỌC	TUẤN	D19QTANM1	13.644.000	0	13.644.000
331	24810110364	PHẠM QUANG	VIỆT	D19H3	11.820.000	3.540.000	8.280.000
332	24810310276	TRINH MINH	HÙNG	D19CNPM3	13.644.000	0	13.644.000
333	24810170369	VŨ QUANG	MINH	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
334	24810180370	ĐÀO XUÂN TUẤN	ANH	D19DCN&DD2	11.820.000	0	11.820.000
335	24810170373	LÊ TRUNG	KIÊN	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
336	24810170376	ĐỖ TRỌNG	TƯỜNG	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
337	24810170383	PHẠM ANH	ĐẠI	D19TDHHTD3	9.804.000	0	9.804.000
338	24810430207	NGUYỄN XUÂN	MẠNH	D19TDH&DKTBCN2	11.820.000	0	11.820.000
339	24810170391	ĐẶNG GIA	HUY	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
340	24810170393	NGUYỄN TÂN	DŨNG	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
341	24810170395	PHẠM THÁI	HUYNH	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
342	24810170399	ĐÌNH HUY	TÙNG	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
343	24810180401	LÊ THIÊN	BẢO	D19DCN&DD2	9.804.000	0	9.804.000
344	24819140064	ĐỖ PHẠM	DƯƠNG	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
345	24810170403	NGUYỄN THẾ	HUY	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
346	24810340293	ĐIỀU VÂN	THOẠI	D19HTTMDT1	11.628.000	0	11.628.000
347	24810310295	NGUYỄN DUY	ANH	D19CNPM4	13.644.000	0	13.644.000
348	24810170414	LƯƠNG ĐỨC	ANH	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
349	24810170417	PHÙNG THỊ	THÚY	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
350	24810860095	NGUYỄN QUANG	BÁCH	D19KDTMTT2	8.964.000	0	8.964.000
351	24810170426	ĐẶNG ĐÌNH	HẢI	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
352	24810110427	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	D19H3	9.804.000	0	9.804.000
353	24810170434	ĐÀO TIỀN	MẠNH	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
354	24810170438	LÊ BẢO	PHÚC	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
355	24810310308	HỒ TỰ	ĐỨC	D19CNPM4	13.644.000	0	13.644.000
356	24810170444	NGUYỄN ĐỨC	ANH	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
357	24810170446	THÂN VÂN	HẬU	D19TDHHTD3	9.804.000	0	9.804.000
358	24810170447	NGUYỄN ĐỨC	TIỀN	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
359	24810170452	HOÀNG MINH	BẢO	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
360	24810110454	NGÔ VÂN	HÒA	D19H2	11.820.000	0	11.820.000
361	24810170455	KIỀU CAO	PHONG	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
362	24810110457	TRIỆU ĐÌNH	TUẤN	D19H2	11.820.000	0	11.820.000
363	24810670149	NGUYỄN ĐÁC	CHUNG	D19CODCT	8.796.000	0	8.796.000
364	24810170462	ĐẶNG XUÂN	ĐỨC	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
365	24810170463	NGUYỄN ĐỨC	KHOA	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
366	24810170464	THÂN QUANG	HẢI	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
367	24810170465	LÊ VĂN	AN	D19TDHHTD3	11.820.000	9.804.000	2.016.000
368	24810170467	VŨ ĐỨC	HẢI	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
369	24810170469	NGUYỄN CHÍ	BÌNH	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
370	24810170470	PHAN HOÀNG	HIỆP	D19TDHHTD3	11.820.000	0	11.820.000
371	24810410226	NGUYỄN XUÂN	SƠN	D19CNKTDK2	11.820.000	9.804.000	2.016.000
372	24810000170	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	D19QTDVLD&LH3	8.136.000	0	8.136.000
373	24810310325	TRẦN VIỆT	ANH	D19CNPM4	13.644.000	0	13.644.000
374	24810170480	PHÙNG ĐẶNG KHÁNH	DUY	D19TDHHTD3	9.804.000	0	9.804.000
375	24810110481	ĐỖ TIỀN	DŨNG	D19H4	9.804.000	0	9.804.000
376	24810440231	TRINH XUÂN	KHÁNH	D19THDK&TDH2	9.804.000	0	9.804.000
377	24810440232	NGUYỄN HỮU QUỐC	ANH	D19THDK&TDH2	9.804.000	0	9.804.000
378	24810430233	LÊ THẾ	QUÂN	D19TDH&DKTBCN2	11.820.000	9.804.000	2.016.000
379	24810170489	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
380	24810310329	LÊ NGUYỄN VIỆT	QUÂN	D19CNPM4	13.644.000	0	13.644.000
381	24810860121	ĐỖ ĐÌNH	DUY	D19KDTMTT2	6.948.000	0	6.948.000
382	24819140066	VŨ QUANG	HUY	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
383	24810340339	NGUYỄN ANH	ĐẠT	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
384	24810860126	PHẠM THỊ	LY	D19KDTMTT1	8.964.000	0	8.964.000
385	24810180524	NGUYỄN HUY	HIẾU	D19DCN&DD2	9.804.000	0	9.804.000
386	24810170533	DƯƠNG QUANG	HUY	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
387	24810170545	PHAN XUÂN	BẢO	D19TDHHTD4	11.820.000	0	11.820.000
388	24819140068	NGUYỄN QUỐC	ANH	D19QLMTCN	10.812.000	0	10.812.000
389	24810170561	NGUYỄN BÁ	ĐÔNG	D19TDHHTD4	11.820.000	0	11.820.000
390	24810170565	HOÀNG BẢO	LÂN	D19TDHHTD4	11.820.000	0	11.820.000
391	24810860135	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	D19KDTMTT1	6.948.000	0	4.063.650
392	24810170568	BÙI VIỆT	ANH	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
393	24810340358	NGUYỄN HOÀNG	ANH	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
394	24810320364	NGUYỄN TIỀN	ĐẠT	D19QTANM2	11.628.000	0	11.628.000
395	24810320379	NGUYỄN MINH	NGHĨA	D19QTANM2	13.644.000	0	13.644.000
396	24810170591	PHAN ĐÌNH	TIỀN	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
397	24810630152	PHẠM HỒNG	ANH	D19XDCTD	8.796.000	0	8.796.000
398	24810110596	NGUYỄN KHÁNH	SƠN	D19H4	9.804.000	0	9.804.000
399	24810170598	NGUYỄN QUANG	TRUNG	D19TDHHTD4	11.820.000	9.804.000	2.016.000
400	24810320388	NGÔ HOÀNG	LÂM	D19QTANM2	13.644.000	0	13.644.000
401	24819110157	LÊ ANH	QUÂN	D19NHIETDIEN	11.520.000	8.088.000	3.432.000
402	24810110604	CAO QUỐC	TOÀN	D19H4	9.804.000	4.848.000	4.956.000
403	24810860146	NGUYỄN ĐỨC	NINH	D19KDTMTT2	6.948.000	0	4.063.650
404	24810310396	DƯƠNG GIA	BẢO	D19CNPM4	11.628.000	0	11.628.000
405	24810310397	TRẦN HỮU	THẮNG	D19CNPM4	13.644.000	0	13.644.000
406	24810340406	GIANG ĐỨC	KIÊM	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
407	24810310418	ĐẶNG GIA	HUY	D19CNPM5	13.644.000	0	13.644.000
408	24810310422	HOÀNG HÀ THỦY	TIỀN	D19CNPM5	11.628.000	0	11.628.000
409	24810340432	ĐOÀN TIỀN HẢI	CHIẾN	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
410	24810310453	TRẦN MẠNH	DŨNG	D19CNPM5	11.628.000	0	11.628.000
411	24810310458	NGUYỄN THỪA	KHÁNH	D19CNPM5	13.644.000	0	13.644.000
412	24810310459	KHUẤT THỊ PHƯƠNG	THẢO	D19CNPM5	11.628.000	0	9.398.650
413	24810340460	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	D19HTTMDT2	11.628.000	0	11.628.000
414	24810430289	VŨ THANH	HẢI	D19TDH&DKTBCN3	9.804.000	0	9.804.000
415	24810340482	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	D19HTTMDT2	13.644.000	11.628.000	2.016.000
416	24810310504	NGUYỄN ĐĂNG	QUỖ	D19CNPM6	13.644.000	0	13.644.000
417	24810340512	LÊ THÀNH	ĐẠT	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000

STT	Mã	Họ đệm	Tên	Mã lớp chữ	HK1 (2025-2026)		
					Phải đóng	Đã đóng	Còn nợ
418	24810410322	ĐÌNH NGỌC	SƠN	D19CNKTDK2	9.804.000	0	7.994.650
419	24810310518	NGUYỄN ĐÌNH	NAM	D19CNPM6	11.628.000	0	5.328.000
420	24810410328	LƯU NGỌC	LONG	D19CNKTDK2	11.820.000	0	11.820.000
421	24810110615	LÊ ĐÌNH	LỰC	D19H4	9.804.000	0	8.334.650
422	24810320524	NGUYỄN HỮU	HUÂN	D19QTANM2	13.644.000	0	13.644.000
423	24810430331	NGUYỄN ĐỨC	HUY	D19TDH&DKTBCN3	11.820.000	9.804.000	2.016.000
424	24819140069	PHẠM LÂM	TÂN	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
425	24810340547	NGUYỄN HOÀNG	ĐỨC	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
426	24810310556	NGUYỄN TUẤN	PHONG	D19CNPM6	13.644.000	0	13.644.000
427	24810340562	NGUYỄN ĐĂNG	DƯƠNG	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
428	24810320566	PHẠM MINH	PHÚ	D19QTANM2	13.644.000	0	13.644.000
429	24810320567	ĐỖ NHẬT	HÔNG	D19QTANM2	13.644.000	0	13.644.000
430	24810310580	NGUYỄN TRUNG	HIỆU	D19CNPM6	11.628.000	0	11.628.000
431	24810310581	TÔNG HẢI	NAM	D19CNPM6	11.628.000	0	11.628.000
432	24810860149	TRẦN PHƯƠNG	NAM	D19KDTMTT2	8.964.000	0	8.964.000
433	24810340587	NGUYỄN MINH	ĐỨC	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
434	24810180618	LÊ QUANG	ĐỨC	D19DCN&DD2	9.804.000	0	9.804.000
435	24810310594	VŨ THẾ	HOÀNG	D19CNPM6	13.644.000	0	13.644.000
436	24810310599	PHẠM CHÍ	VĂN	D19CNPM1	13.644.000	0	13.644.000
437	24810170619	NGUYỄN KIM	TÂN	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
438	24810320609	ĐỖ HẢI	PHONG	D19QTANM2	11.628.000	0	11.628.000
439	24810310616	TRẦN ĐỨC HÙNG	ANH	D19CNPM3	13.644.000	0	13.644.000
440	24810340618	NGUYỄN QUỐC	BÁCH	D19HTTMDT2	13.644.000	0	13.644.000
441	24810000174	PHÙNG GIA	PHONG	D19QTDVLD&LH3	10.152.000	0	10.152.000
442	24810430376	DƯƠNG QUANG	CHIÊN	D19TDH&DKTBCN3	11.820.000	0	11.820.000
443	24810430378	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	D19TDH&DKTBCN3	9.804.000	0	9.804.000
444	24810170621	PHẠM VĂN	KHANG	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
445	24810310637	VÕ TRỌNG	NHẬT	D19CNPM5	13.644.000	11.628.000	2.016.000
446	24810170622	MAI THÀNH	LONG	D19TDHHTD4	9.804.000	0	9.804.000
447	24810170623	NGUYỄN THÀNH	HÙNG	D19TDHHTD4	11.820.000	0	11.820.000
448	24810000175	NGUYỄN HÔNG	PHÚC	D19QTDVLD&LH3	10.152.000	0	10.152.000
449	24810320646	NGUYỄN XUÂN	TIẾN	D19QTANM2	13.644.000	0	13.644.000
450	24810340647	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	D19HTTMDT2	11.628.000	0	11.628.000
451	24810320649	TẠ MINH	ĐẠT	D19QTANM1	11.628.000	0	11.628.000
452	24810830268	NGÔ THỊ TRÀ	MY	D19KT&KS2	10.152.000	0	10.152.000
453	24810820204	NGUYỄN ĐỨC	ANH	D19TCDN2	9.558.000	0	9.558.000
454	24819140070	PHẠM LÊ QUANG	DƯƠNG	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
455	24810520396	NGUYỄN BÌNH	MINH	D19KTD	7.572.000	0	5.892.000
456	24819140071	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	HUY	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.246.650
457	24819140072	NGUYỄN KHẮC	DŨNG	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
458	24819140073	DOÃN HỮU	THỊNH	D19QLMTCN	8.796.000	0	8.796.000
459	24819110160	TRẦN HUY NHẬT	NAM	D19DIENLANH2	9.504.000	0	9.504.000
460	24819140074	HÀ QUANG	HUY	D19QLMTCN	8.796.000	0	6.146.650
461	24810210082	TÔNG TRẦN NAM	ANH	D19QLNL2	9.984.000	0	9.984.000
462	24810710278	NGUYỄN KHÁNH	AN	D19QTDN4	6.948.000	0	6.948.000
463	24810310656	NGUYỄN VĂN	LUYẾN	D19CNPM3	11.628.000	0	10.238.650



nhữ